

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04/10/2019
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Ký

2/ Ông Nguyễn Văn Hiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C: Ông Huỳnh Văn Dương– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị A** - sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Hòa L xã Xuân C, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh B** - sinh năm 1985; HKTT: Thôn Hòa L xã Xuân C, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Hiện ở: Xóm 6, thôn Văn H, thị trấn Diêu T, huyện X, tỉnh Bình Định. Vắng mặt lần 2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nhận ngày 29/7/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/8/2019; biên bản hòa giải không được vào ngày 20/9/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diêu T, huyện X, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38/2014 ngày 12/5/2014. Quá trình

chung sống do tính tình không hợp nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. chị A và anh B không còn chung sống, qua lại với nhau cho đến nay đã 04 năm. Nay chị A không còn tình cảm với anh B, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị A và anh B có một con chung tên Nguyễn Hải Q– sinh ngày 10/4/2017 (giới tính Nam), hiện đang ở với chị A. Ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Riêng người con tên Nguyễn Văn V sinh ngày 01/6/2006 là con riêng của chị với chồng trước là anh Nguyễn Văn K (đã chết), khi làm sổ hộ khẩu chị khai con đẻ là ý nói của chị, chứ không liên quan gì đến anh B.

Về tài sản chung và nợ chung: chị A xác định trong quá trình sống chung chị A và anh B không có tài sản chung và nợ chung nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải không được vào ngày 20/9/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2019 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Minh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung: Anh B thừa nhận như ý kiến của chị A trình bày, anh B đồng ý toàn bộ yêu cầu của chị A.

.Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Lê Thị A xin ly hôn với anh Nguyễn Minh B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015, anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Hòa L xã Xuân C, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2019 của anh Nguyễn Minh B có đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, nếu anh không đến Tòa. Do đó quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Minh B tự nguyện kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị A và anh B sống ly thân đã 04 năm, không ai chăm sóc, giúp đỡ gì ai, nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B được anh B chấp nhận. Do đó, yêu cầu của chị A là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị A.

[4] *Về con chung*: chị A và anh B xác định chỉ có một con chung như chị A trình bày, nhưng anh B không đồng ý để chị A chăm sóc nuôi dưỡng mà để anh nuôi dưỡng. Xét quá trình chị A và anh B không sống chung, bản thân chị A trực tiếp chăm sóc con chung, con hiện dưới 36 tháng tuổi. Do đó yêu cầu của anh B không đúng quy định của pháp luật, không được chị A đồng ý. Nên không chấp nhận yêu cầu của anh B. Chấp nhận yêu cầu của chị A, giao con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị A và anh B cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung, không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Lê Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Lê Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Minh B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Q– sinh ngày 10/4/2017 cho chị Lê Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B được quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2015/0007054 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. chị A đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Nguyễn Minh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND T.x Sông Cầu, Phú Yên (1);
- Chi cục ThA DS thị xã C, Phú Yên(1);
- UBND xã Xuân Lâm (1)
- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- Ấn văn (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tôn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn

